TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 68/2019/DS-PT
Ngày: 28/3/2019
V/v: "*Tranh chấp chia thừa kế*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Huy Hoàng
Ông Vũ Toàn Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan,Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018DS-ST, ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 2 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Cụ Nguyễn Thị X, sinh năm 1933 *(vắng mặt)*

Người đại diện ủy quyền: Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1959.

Cùng Hộ khẩu thường trú: Số 38 Tổ 49 phường P, quận Đ, Hà Nội.

Bị đơn:

Ông Ngô Doãn Đ, sinh năm 1963 *(có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Số 38 Tổ 49 phường P, quận Đ, Hà Nội;

Nơi ở: số 50 ngõ 46 phố Th, phường P, quận Đ, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ là ông Nguyễn Đức Th, Luật sư - Công ty Luật TNHH ACV *(có mặt)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1959 *(vắng mặt)*

2. Ông Ngô Doãn M, sinh năm 1960 *(vắng mặt)*

3. Ông Ngô Doãn D, sinh năm 1968 *(vắng mặt)*

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 38 Tổ 49 phường P, Đ, Hà Nội.

4. Bà Ngô Thị Kim N, sinh năm 1971 *(vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Số 38, Tổ 49 phường P, quận Đ, Hà Nội.

5. Trung tâm VT- VT Hà Nội- Chi nhánh tập đoàn Bưu chính VT Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng H - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Đức P - Cán bộ phòng Tổng hợp Trung tâm VT *(Giấy uỷ quyền số 348/UQ-TTVT3-TH, ngày 14/3/2019. Ông P vắng mặt)*.

Địa chỉ: số 811 Đường G, phường GB, quận H, Hà Nội.

6. Ông Ngô Doãn K - sinh năm 1960 *(vắng mặt)*

7. Bà Nguyễn Tuyết L - sinh năm 1966 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số 38, Tổ 49 phường P, quận Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện,các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị X và người đại diện ủy quyền của cụ X là ông Ngô Quốc T trình bày:

Cụ X và chồng là cụ Ngô Doãn H kết hôn và sống chung từ năm 1957, trong thời kỳ hôn nhân, hai cụ đã tạo lập được 02 khối tài sản bao gồm:

1. Tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở hai tầng có diện tích 41,70 m^2 tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 259898 do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 đứng tên ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

2. Tài sản là quyền sử dụng đất tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE023642 do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 đứng tên ông Ngô Doãn M là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ngô Doãn H.

Cụ H chết ngày 10/01/2016, giấy khai tử số 11 ngày 01/02/2016 do UBND phường P, quận Đ xác nhận. Hai vợ chồng cụ H, cụ X có 05 người con là ông Ngô Quốc T, sinh năm 1959; ông Ngô Doãn M, sinh năm 1960; ông Ngô Doãn Đ, sinh năm 1963; ông Ngô Doãn D, sinh năm 1968; bà Ngô Thị Kim N, sinh năm 1971, ngoài ra hai cụ không có con nuôi và con riêng nào khác.

Do cụ X và con trai là ông Đ không thống nhất được phương án phân chia đối với phần di sản của cụ H để lại nên phát sinh mâu thuẫn trong nội bộ gia đình. Theo cụ X ngoài 50% giá trị của những khối tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ, 50% còn lại giá trị của những khối tài sản là di sản của cụ H để lại phân chia theo quy định của pháp luật.

Hiện tại cụ X tuổi cao sức yếu, để tránh tranh chấp giữa cụ và các đồng thừa kế khác, đồng thời để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của cụ đối với các tài sản này, cụ đề nghị Toà án giải quyết: giao cho cụ X được sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ nêu trên. Liên quan đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác, cụ sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Ngô Doãn Đ trình bày:

Bố ông là cụ Ngô Doãn H, sinh năm 1926, chết ngày 10/01/2016. Mẹ ông là cụ Nguyễn Thị X, sinh năm 1933. Bố, mẹ ông sinh được 05 người con như cụ X trình bày.

Tài sản bố ông để lại là bất động sản tại số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội (GCNQSDĐ số BQ 259898, do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013) và bất động sản tại Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội (GCNQSDĐ số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016)

Năm 2017, gia đình ông đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với tài sản của bố ông để lại nhưng bị đổ vỡ. Nguyên nhân là do có quá nhiều người chi phối và không minh bạch trong việc phân chia di sản của bố ông để lại. Mẹ ông là người có tiếng nói quan trọng nhất nhưng do tuổi cao, sức yếu nên cũng không làm chủ được tình hình.

Ông đồng ý với mẹ ông về việc khởi kiện chia thừa kế, tuy nhiên ông không đồng ý với yêu cầu giao cho mẹ ông bằng hiện vật là toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ nêu trên.

Ông đề nghị giao cho ông bằng hiện vật là một phần diện tích nhà, quyền sử dụng đất mà ông được hưởng từ di sản của bố ông để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D, bà Ngô Thị Kim N thống nhất trình bày:

Ông T, ông M, ông D, bà N đồng ý với cụ X khởi kiện đối với ông Đ, yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Ngô Doãn H để lại. Phần quyền lợi của ông T, ông M, ông D, bà N được hưởng trong phần di sản của cụ H để lại xin được tặng lại cho cụ X.

2. Ông Ngô Doãn K và bà Nguyễn Tuyết L trình bày:

Ông K, bà L có mua 30m2 đất của bác ruột là ông Ngô Doãn H để cùng xây dựng và cho Bưu điện thuê đặt tổng đài, tổng diện tích xây dựng là 120m2 (02 tầng). Ông K, bà L:

- Không tính giá trị xây dựng nhà (do đã hết khấu hao)

- Tiền thuê nhà ông bà vẫn được hưởng 50% giá trị thuê của Trung tâm VT VT Hà Nội theo hợp đồng ký kết.

Ông K, bà L từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt, ông bà giữ quan điểm như đã trình bày

3. Trung tâm VT - VT Hà Nội do ông Bùi Đức Phương là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trung tâm VT có thuê mặt bằng của cụ Nguyễn Thị X theo
Hợp đồng số 178/HĐTN ngày 05/6/2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Cho đến nay Trung tâm VT vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng.

Đề nghị bên cho thuê thực hiện đúng cam kết tại hợp đồng.

Trung tâm VT từ chối tham gia tố tụng, bảo lưu quan điểm của Trung tâm VT đã khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS - ST ngµy 31/8/2018 Toà án nhân dân quận Đ đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị X đối với phần Di sản của cụ Ngô Doãn H để lại một nửa các quyền sử dụng đất:

- Xác nhận di sản của cụ Ngô Doãn H là 1/2 nhà đất diện tích 20,85 m^2 tại địa chỉ số 38, tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Có giá trị là 2.502.000.000 đồng(Hai tỷ năm trăm linh hai triệu đồng chẵn).

- Xác nhận di sản của cụ Ngô Doãn H là 1/2 nhà đất diện tích 110m2 tài sản tại số 321 đường Th, tổ 5 phường Th, Quận LB, Hà Nội; Có giá trị 6.050.000.000 đồng(Sáu tỷ không năm mươi triệu đồng chẵn).

2. Xác định thời điểm mở thừa kế: Ngày 10/01/2016 khi cụ Ngô Doãn H (mất)

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Doãn H gồm: Cụ Nguyễn Thị X, các ông Ngô Quốc T; Ngô Doãn M, Ngô Doãn D,Ngô Doãn Đ, bà Ngô Thị Kim N .

4. Xác nhận mỗi thừa kế được hưởng kỷ phần 1.425.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi năm triệu đồng chẵn)

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông Ngô Quốc T; Ngô Doãn M, Ngô Doãn D, bà Ngô Thị Kim N đều thống nhất tặng cho cụ X được hưởng kỷ phần thừa kế của mình.

6. Chia ông Ngô Doãn Đ giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng là 1.425.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi năm triệu đồng chẵn).

7. Giao cụ Nguyễn Thị X sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất tại địa chỉ:

- Tài sản quyền sử dụng đất và nhà ở hai tầng diện tích là 41,7 m^2tại địa chỉ số 38, tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số BQ 259898, do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 cho ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

- Tài sản quyền sử dụng đất tại địa chỉ số tổ 15 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội.Nay là (số 321 đường Th, tổ 5 phường Th, Quận LB, Hà Nội).Theo GCNQSDĐ số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 cho ông Ngô Doãn M là người đại diện của những người đại diện được thừa kế QSDĐ của ông Ngô Doãn H đứng tên.

Cụ Nguyễn Thị X có trách nhiệm đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên nhà đất theo quy định của pháp luật.

- Cụ X có trách nhiệm thanh toán kỷ phần được hưởng cho ông Ngô Doãn Đại, trị giá là 1.425.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi năm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2018 bị đơn ông Ngô Doãn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại cho ông Đ được hưởng tài sản thừa kế của bố ông để lại bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Giao cho cụ X được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản gồm:

1. Nhà, đất tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, có diện tích 41,70 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 259898 do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 đứng tên ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

2. Nhà đất tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội, nay là số 321 đường Th, Tổ 5 phường Th, quận LB, Hà Nội. Diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 đứng tên ông Ngô Doãn M *(là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ngô Doãn H)* là 288,5m2, sử dụng riêng là 220m2, sử dụng chung là 68,5m2. Diện tích đo thực tế là 286,4m2, trong đó diện tích sử dụng riêng là 217,9m2, diện tích sử dụng chung là 68,5m2.

- Cụ X có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ kỷ phần thừa kế được hưởng trị giá 1.700.000.000đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, ông M, ông D, ông Đ và bà N là những người thuộc hàng thừ kế thứ nhất của cụ H cũng nhất trí với thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự và không có yêu cầu gì khác về việc chia thừa kế tài sản của cụ H.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và ghi nhận sự thoả thuận của các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

2. Về Nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Về xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện về thừa kế:

Lời khai của các đương sự cùng thống nhất trình bày, cụ Ngô Doãn H sinh năm 1926, chết ngày 10/01/2016, do vậy thời điểm mở thừa kế của cụ H là ngày 10/01/2016.

Ngày 6/3/2018 cụ X có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản thừa kế của cụ H để lại. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của cụ X là trong thời hiệu khởi kiện.

2.2 Về xác định người thừa kế

Cụ H và cụ X có 05 người con đẻ là ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D, ông Ngô Doãn Đ, bà Ngô Thị Kim N. Ngoài ra cụ H và cụ X không có con riêng, con nuôi nào khác.

Cụ H chết nên những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H thuộc hàng thừ kế thứ nhất của cụ H gồm: cụ X, ông T, ông M, ông D, ông Đ và bà N.

2.3 Về xác định di sản thừa kế

Trong thời gian chung sống, cụ X và cụ H tạo dựng được 02 khối tài sản bao gồm:

1. Nhà, đất tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, có diện tích 41,70 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 259898 do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 đứng tên ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

2. Nhà đất tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội, nay là số 321 đường Th, Tổ 5 phường Th, quận LB, Hà Nội. Diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 đứng tên ông Ngô Doãn M *(là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ngô Doãn H)* là 288,5m2, sử dụng riêng là 220m2, sử dụng chung là 68,5m2. Diện tích đo thực tế là 286,4m2, trong đó diện tích sử dụng riêng là 217,9m2, diện tích sử dụng chung là 68,5m2.

2.4 Về căn cứ chia thừa kế theo pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, cụ X nộp bản di chúc lập ngày 10/01/2016 có chữ ký của cụ H và cụ X. Theo cụ X trình bày, ngày 29/3/2015 cụ X và cụ H có nhờ cháu nội là Ngô Minh Đức viết hộ di chúc, khi lập di chúc không nói cho các con biết và không có ai làm chứng. Thực tế khi lập di chúc vợ chồng cụ X, cụ H cũng chưa thống nhất rõ ràng về việc phân chia tài sản, sau này cũng không thống nhất được việc phân chia tài sản nên chỉ xác định đây là bản nháp và không thực hiện việc công chứng, chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cụ X đề nghị Tòa án xác định bản di chúc này là không hợp pháp.

Xem xét đánh giá đối với bản di chúc do cụ X nộp tại Toà án cấp sơ thẩm xét thấy, bản di chúc được viết tay, lời khai của cụ X thể hiện hai cụ không trực tiếp viết di chúc mà nhờ người khác viết hộ, khi lập di chúc không có người làm chứng, bản di chúc có hai trang nhưng chỉ có chữ ký của hai cụ ở trang thứ hai, bản di chúc không có xác nhận hay chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chữ ký của hai cụ. Lời khai của cụ X thể hiện chỉ coi đây là bản nháp nên không thực hiện theo di chúc. Các con của cụ H, cụ X là anh Minh, anh Trung, chị Ngọc đều đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ H để lại, kỷ phần được chia xin được tặng lại hết cho cụ X. Do vậy Toà án không có cơ sở xác định nội dung trong di chúc là thể hiện ý chí của cụ H cũng như không có căn cứ xác định chữ ký trong di chúc là chữ ký của cụ H. Trên cơ sở đó xác định di chúc cụ X, cụ H lập ngày 29/3/2015 do cụ X nộp tại Toà án cấp sơ thẩm là không hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của cụ X đề nghị với Toà án xác định bản di chúc lập ngày 29/3/2015 là không hợp pháp. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của cụ X là có căn cứ.

Trên cơ sở đó xác định, hai khối tài sản nêu trên được cụ H và cụ X tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, do vậy xác định đây là tài sản chung của cụ H và cụ X theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 612 , điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xác định di sản của cụ H là ½ nhà đất trong khối tài sản chung với cụ X.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: Cụ Nguyễn Thị X, ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D, ông Ngô Doãn Đ, bà Ngô Thị Kim N.

Tại Toà án cấp sơ thẩm cũng như trong đơn kháng cáo, ông Đ đề nghị Tòa án chia kỷ phần thừa kế cho ông bằng hiện vật, ông có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích nhà, đất chia thừa kế không lớn, nếu chia hiện vật cho các hàng thừa kế sẽ không đảm bảo được chỗ ở, bản thân ông Đ cũng đang có nhà ở ổn định. Cụ X có nguyện vọng được hưởng thừa kế bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế cho ông Đ và các đồng thừa kế khác. Ông T, ông M, ông D và bà N đều thống nhất tặng cho cụ X kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản của cụ H. Nguyện vọng của cụ X cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện và đúng pháp luật nên Toà án cấp sơ thẩm đã chia cho cụ X sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà đất có diện tích 41,70 m^2 tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội và tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 220m2 tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội. Cụ X có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ 1.425.000.000đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn do ông Ngô Quốc T là người đại diện theo uỷ quyền của cụ X, bị đơn là ông Ngô Doãn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D, bà Ngô Thị Kim N đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Giao cho cụ X được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản gồm:

1. Nhà, đất tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, có diện tích 41,70 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 259898 do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 đứng tên ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

2. Nhà đất tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội, nay là số 321 đường Th, Tổ 5 phường Th, quận LB, Hà Nội. Diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 đứng tên ông Ngô Doãn M *(là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ngô Doãn H)* là 288,5m2, sử dụng riêng là 220m2, sử dụng chung là 68,5m2. Diện tích đo thực tế là 286,4m2, trong đó diện tích sử dụng riêng là 217,9m2, diện tích sử dụng chung là 68,5m2.

- Cụ X có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngô Doãn Đ kỷ phần được hưởng thừa kế trị giá **1.700.000.000đồng**.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D và bà Ngô Thị Kim N thống nhất nhường kỷ phần thừa kế cho cụ X.

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, Toà án cấp phúc thẩm ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm, trên cơ sở đó công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Phát biểu của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về án phí : Căn cứ nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ X là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí, cụ X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự mới thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do sửa án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, ông M, ông D, bà N đều thống nhất để lại cho cụ X kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản của cụ H nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015

Căn cứ Điều 611, 612, 623, 649,650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018DS-ST, ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị X đối với phần di sản của cụ Ngô Doãn H.

2.Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Ngô Doãn H là ngày 10/01/2016.

3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Doãn H gồm: Cụ Nguyễn Thị X, ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D, ông Ngô Doãn Đ và bà Ngô Thị Kim N.

4. Xác nhận di sản của cụ Ngô Doãn H gồm: 1/2 quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất *(diện tích là 20,85 m^2)* tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, có giá trị là 2.502.000.000đồng; 1/2 quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất *(diện tích là 108,95m2)* tại số 321 đường Th, Tổ 5 phường Th, quận LB, Hà Nội, (*diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 288,5m2, sử dụng riêng là 220m2, sử dụng chung là 68,5m2. Diện tích đo thực tế là 286,4m2, trong đó diện tích sử dụng riêng là 217,9m2, diện tích sử dụng chung là 68,5m2),* có giá trị 5.992.250.000đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông Ngô Quốc T, ông Ngô Doãn M, ông Ngô Doãn D và bà Ngô Thị Kim N, nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng tặng cho cụ Nguyễn Thị X.

7. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc chia thừa kế như sau:

- Giao cho cụ Nguyễn Thị X được sở hữu và sử dụng toàn bộ:

+ Nhà, đất tại địa chỉ số 38, Tổ 49, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, có diện tích 41,70m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 259898 do UBND quận Đ cấp ngày 25/11/2013 đứng tên ông Ngô Doãn H và bà Nguyễn Thị X.

+ Nhà đất tại địa chỉ Tổ 5 phường Th, quận LB, thành phố Hà Nội, nay là số 321 đường Th, Tổ 5 phường Th, quận LB, Hà Nội. Diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE023642, do UBND quận LB cấp ngày 15/08/2016 đứng tên ông Ngô Doãn M *(là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ngô Doãn H)* là 288,5m2, sử dụng riêng là 220m2, sử dụng chung là 68,5m2. Diện tích đo thực tế là 286,4m2, trong đó diện tích sử dụng riêng là 217,9m2, diện tích sử dụng chung là 68,5m2.

- Cụ Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngô Doãn Đ kỷ phần được hưởng có giá trị **1.700.000.000đồng**.

Cụ Nguyễn Thị X có quyền đến cơ quan, Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên nhà, đất được sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài thoả thuận nêu trên các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác trong vụ án.

8. Về án phí:

- Cụ X được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho cụ X 18.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006998 ngày 9/04/2018 tại cơ quan thi hành án dân sự quận Đ.

- Ông Ngô Doãn Đ phải chịu 63.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007745 ngày 27/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí ông Đ còn phải nộp tiếp là 62.700.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam